

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/ MÔ ĐUN

Lớp: **TNH24B2**

Năm học: **24-25**

Mã MH/MĐ: **MH02289**

Học kỳ: **01**

Tên MH/MĐ: **Thương phẩm và an toàn thực phẩm**

Số TC: **2**

STT	MSHS	Họ tên		Ngày sinh	Hệ số 1			Hệ số 2			Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MĐ
1	2458102060821	Lương Hoài	Chương	14/06/2009			8.5	9.0	10.0		7.8		8.4
2	2458102060822	Mus To Fa Ro Thìa	Dah	09/08/2009			5	5.0	9.5		7.8		7.4
3	2458102060823	Hứa Khánh	Duy	18/10/2009			9	10.0	10.0		7.8		8.6
4	2458102060824	Trần Văn	Đặng	24/09/2009			6.5	6.0	8.5		7.3		7.2
5	2458102060825	Nguyễn Ngọc	Hà	23/01/2009			8.5	10.0	10.0		7.0		8.1
6	2458102060826	Quách Ngọc Gia	Hân	23/01/2009			8	9.5	10.0		8.5		8.9
7	2458102060827	Phạm Diễm	Huỳnh	08/10/2009			8	9.5	10.0		8.3		8.7
8	2458102060828	Lê Thị Kim	Hương	16/02/2009			5	6.5	9.5		7.8		7.6
9	2458102060829	Trần Anh	Kiệt	20/04/2009			10	7.0	9.5		7.3		7.8
10	2458102060830	Nguyễn Thị Thúy	Lan	01/10/2009			10	10.0	9.0		8.5		8.9
11	2458102060831	Lương Thị Huỳnh	Lê	14/01/2009			5	5.5	10.0		5.0		5.9
12	2458102060832	Lâm Tuệ	Mỹ	14/11/2009			7	5.5	9.5		7.3		7.3
13	2458102060833	Đỗ Đại	Nam	17/06/2009			0	0.0	0.0		0.0	0.0	0.0
14	2458102060834	Nguyễn Phú	Nam	09/06/2009			1	6.0	10.0		0.0	0.0	2.6
15	2458102060835	Nguyễn Thị Xuân	Nga	27/11/2009			8.5	9.5	9.5		6.3		7.5
16	2458102060836	Đặng Phương	Nghi	19/12/2008			6.5	5.0	10.0		7.5		7.4
17	2458102060837	Trần Hữu	Nghĩa	14/10/2009			8.5	9.0	9.5		8.0		8.4
18	2458102060838	Lê Huỳnh Hoài	Ngọc	03/11/2008			7	8.0	10.0		7.5		7.9
19	2458102060839	Đinh Trung	Nguyên	25/05/2009			5	6.0	9.5		8.0		7.7
20	2458102060840	Huỳnh Thanh	Nhã	20/03/2009			0	0.0	0.0		0.0	0.0	0.0
21	2458102060841	Hồ Nguyễn Khánh	Nhi	05/04/2009			4	6.0	10.0		5.0		5.9
22	2458102060842	Nguyễn Thị Tuyết	Nhi	23/07/2008			0	0.0	0.0		0.0	0.0	0.0
23	2458102060843	Trần Hữu	Phát	14/03/2009			7	5.0	9.5		5.0		5.9
24	2458102060844	Huỳnh Nhật	Phúc	06/09/2009			5	5.5	10.0		5.3		6.1
25	2458102060845	Trần Văn	Phúc	26/04/2009			5.5	5.5	7.5		6.8		6.6
26	2458102060846	Nguyễn Thành Nam	Quân	23/02/2009			7	6.5	9.0		8.0		7.8
27	2458102060847	Nguyễn Xuân	Quốc	31/08/2009			9	9.5	10.0		8.3		8.8
28	2458102060848	Trương Thị Ngọc	Quyên	29/03/2009			0	0.0	0.0		0.0	0.0	0.0
29	2458102060849	Tạ Chí	Tâm	29/10/2009			6	5.0	9.0		5.5		6.0
30	2458102060850	Huỳnh Văn	Thành	03/09/2009			10	10.0	10.0		7.8		8.7
31	2458102060851	Phạm Gia	Thịnh	25/03/2009			8.5	5.0	10.0		5.5		6.4
32	2458102060852	Diệp Trần Phúc	Tinh	15/01/2009			8	7.0	9.0		7.0		7.4
33	2458102060853	Nguyễn Đình Gia	Trí	16/12/2008			9	7.5	10.0		5.5		6.8
34	2458102060854	Hồ Ngọc	Trình	21/04/2009			9	10.0	10.0		7.5		8.4
35	2458102060855	Nguyễn Trọng	Tuấn	03/07/2009			7.5	6.0	10.0		5.0		6.2
36	2458102060856	Nguyễn Khắc	Vĩ	24/03/2009			6.5	5.0	8.0		6.0		6.2

STT	MSHS	Họ tên		Ngày sinh	Hệ số 1				Hệ số 2				Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MĐ
37	2458102060857	Trương Hoàng	Vũ	31/07/2009				6	0.0	0.0			0.0	0.0	0.5
38	2458102060858	Nguyễn Thị Kim	Xoàn	06/11/2008				4	5.5	10.0			6.3		6.6

Châu Đốc, ngày 13 tháng 3 năm 2025

TP. Đào tạo

Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng

Võ Thị Mỹ Dung